

giảm đau. Chủ trị: Ngực sườn đầy tức, ho đờm trắng do hàn chứng, mụn nhọt do hàn tích tụ.

Cách dùng, liều lượng

Ngày dùng 6 g đến 12 g, dạng thuốc sắc, tán bột dùng trong thuốc hoàn tán.

Kiêng kỵ

Không thuộc chứng phong hàn, đờm tích trệ thì không dùng.

Ghi chú

Không nhầm với hạt giới tử là hạt cây Cải canh [*Brassica Juncea* (L.)].

BẠCH HOA XÀ THIẾT THẢO

Hedyotis diffusa Herba

Toàn cây được làm khô của cây Bạch hoa xà thiết thảo [*Hedyotis diffusa* (Willd.)], họ Cà phê (Rubiaceae). Thu hái vào mùa hạ và mùa thu, lấy toàn cây, loại bỏ tạp chất, rửa sạch, phơi hoặc sấy khô hoặc cắt đoạn, phơi hoặc sấy khô.

Mô tả

Loài cỏ nhỏ. Thường cuộn rối thành bó hoặc được cắt thành các đoạn dài không đều, có màu vàng xám hoặc lục xám. Rễ chính hơi cong, mang nhiều rễ con. Thân mảnh, mang rất nhiều cành ở phần gốc, màu nâu nhạt, tròn ở gốc, thân non có bốn cạnh. Lá nguyên hình mác thuôn, dài khoảng 1,5 cm đến 3,5 cm, rộng 1 mm đến 2 mm, nhọn ở đầu, màu lục xám, dai, gần như không có cuống, lá kèm khía răng cưa ở đỉnh. Hoa mọc đơn độc, hoặc từng đôi ở nách lá, thường rụng. Hoa nhỏ có 4 lá đài hình giáo nhọn, ống đài hình cầu. Tràng gồm 4 cánh hoa, 4 nhị dính ở họng ống tràng. Quả bế, bầu hạ, mang đài bền 4 thùy ở phía trên, hình cầu hơi dẹt ở 2 đầu, bên trong có chứa nhiều hạt nhỏ, có góc cạnh. Chất giòn, dễ gãy. Mùi nhẹ, vị nhạt.

Vi phẫu

Thân: Mặt cắt ngang gần như vuông, các góc hơi tù. Biểu bì gồm một hàng tế bào hình chữ nhật xếp đều đặn, có những tế bào u to thành gai ngắn, mặt phẳng silic. Mô mềm vỏ gồm 4 đến 5 hàng tế bào thành mỏng xếp lộn xộn; to nhỏ không đều có chứa tinh thể calci oxalat hình kim tụ lại hay rải rác. Vòng libe-gỗ cấp 2 uốn lượn theo hình dạng của mặt cắt, có các mạch gỗ to. Mô mềm ruột cấu tạo bởi các tế bào hình tròn, thành mỏng, gồm khoảng 3 đến 4 hàng tế bào, trong cùng là khuyết tế bào.

Lá: Biểu bì trên gồm một lớp tế bào hình chữ nhật to, biểu bì dưới gồm một lớp tế bào nhỏ hơn, cả hai đều có các u lồi tấm silic. Mô mềm giậu gồm nhiều lớp tế bào xếp sát biểu bì trên. Tế bào mô mềm thành mỏng, có tế bào chứa tinh thể calci oxalat hình kim. Bó libe-gỗ ở gân lá xếp thành hình vòng cung ở giữa lá.

Bột

Bột có màu nâu. Tế bào biểu bì không màu thành mỏng, lỗ khí kiểu song bào, tinh thể calci oxalat hình kim nằm

riêng lẻ hay tụ thành từng bó. Có thể thấy mảnh biểu bì có các u lồi tấm silic. Sợi có thành dày. Mảnh mạch xoắn, mạch điểm.

Định tính

Có thể chọn một trong hai định tính A hoặc B như sau:

A. Phương pháp sắc ký lớp mỏng (Phụ lục 5.4).

Bản mỏng: *Silica gel G*.

Dung môi khai triển: *Ethyl acetat - acid acetic - acid formic - nước* (100 : 11 : 11 : 26).

Dung dịch thử: Lấy 1 g bột thô được liệu, thêm 20 ml *methanol* (TT), đun sôi hồi lưu trên cách thủy 1 h, lọc. Cô dịch lọc trên cách thủy đến cạn. Hòa cần trong 1 ml *methanol* (TT).

Dung dịch được liệu đối chiếu: Lấy 1 g bột thô Bạch hoa xà thiết thảo (mẫu chuẩn) chiết như mô tả ở phần Dung dịch thử.

Cách tiến hành: Chấm riêng biệt lên bản mỏng 6 μ l mỗi dung dịch trên. Triển khai sắc ký cho đến khi dung môi đi được khoảng 10 cm đến 12 cm, lấy bản mỏng ra, để khô ở nhiệt độ phòng, sấy ở 110 °C trong 5 min, phun dung dịch 2-aminoethyl diphenylborinat (TT) 1 % trong *methanol* (TT), sau đó phun ngay dung dịch *polyethylen glycol* 400 (TT) có nồng độ 5 % trong *methanol* (TT), để khô trong không khí. Quan sát dưới ánh sáng tử ngoại tại bước sóng 366 nm. Trên sắc ký đồ của dung dịch thử phải có các vết tương đương về vị trí và cùng màu với các vết trên sắc ký đồ của dung dịch được liệu đối chiếu.

B. Phương pháp sắc ký lớp mỏng (Phụ lục 5.4).

Bản mỏng: *Silica gel GF₂₅₄*.

Dung môi khai triển: *Ethyl acetate - methanol - nước* (8 : 2 : 1).

Dung dịch thử: Lấy 1 g bột thô được liệu, thêm 10 ml *methanol* (TT), siêu âm (400 W) hỗn hợp trong 30 min. Lọc. **Dung dịch chất đối chiếu:** Hòa tan asperulosid chuẩn trong *methanol* (TT) để thu được dung dịch nồng độ 1 mg/ml.

Dung dịch được liệu đối chiếu: Nếu không có chất đối chiếu ở trên, lấy 1 g bột thô Bạch hoa xà thiết thảo (mẫu chuẩn), tiến hành chiết như mô tả ở phần Dung dịch thử.

Cách tiến hành: Chấm riêng biệt lên bản mỏng 10 μ l dung dịch chất đối chiếu hoặc 20 μ l dung dịch được liệu đối chiếu và 20 μ l dung dịch thử. Bào hòa dung môi trong bình sắc ký 15 min trước khi triển khai sắc ký. Triển khai sắc ký cho đến khi dung môi đi được khoảng 8 cm đến 10 cm, lấy bản mỏng ra để khô ở nhiệt độ phòng, phun hỗn hợp *acid sulfuric - ethanol* (10 : 90), sấy ở 105 °C đến khi các vết hiện rõ (7 min).

Quan sát dưới ánh sáng thường, trên sắc ký đồ của dung dịch thử phải có vết tương đương về vị trí và cùng màu với vết của asperulosid trên sắc ký đồ của dung dịch chất đối chiếu và quan sát dưới ánh sáng tử ngoại tại bước sóng 366 nm, trên sắc ký đồ của dung dịch thử phải có 2 vết phát quang màu xanh nước biển ở vị trí thấp hơn vết tương ứng với vết của asperulosid trên sắc ký đồ của dung dịch chất đối chiếu.

BẠCH TẬT LÊ (Quả)

Hoặc quan sát dưới ánh sáng tử ngoại tại bước sóng 366 nm. Trên sắc ký đồ của dung dịch thử phải có các vết tương đương về vị trí và cùng màu với các vết trên sắc ký đồ của dung dịch được liệu đối chiếu.

Độ ẩm

Không quá 13,0 % (Phụ lục 9.6, 1 g, 105 °C, 5 h).

Tạp chất

Không quá 2,0 % (Phụ lục 12.11).

Tro toàn phần

Không quá 13,0 % (Phụ lục 9.8).

Chất chiết được trong dược liệu

Không ít hơn 8,0 % tính theo dược liệu khô kiệt.

Tiến hành theo phương pháp chiết nóng (Phụ lục 12.10), dùng *ethanol* 96 % (TT) làm dung môi.

Bảo quản

Nơi khô mát, tránh mốc mọt.

Tính vị, quy kinh

Vị ngọt, đắng, tính hàn. Vào các kinh can, vị, đại trường, tiểu trường.

Công năng, chủ trị

Thanh nhiệt giải độc, lợi niệu thông lâm, tiêu ung tán kết. Chủ trị: Ho, hen suyễn do phế thực nhiệt, viêm amidan, viêm họng cấp; lâm lậu do bàng quang thấp nhiệt; dương hoàng (viêm gan cấp tính); mụn nhọt ung bướu, sang chấn, rắn độc cắn.

Cách dùng, liều lượng

Ngày dùng từ 20 g đến 40 g dạng khô, hoặc từ 60 g đến 160 g dạng tươi, thường phối hợp với các vị thuốc khác.

Dùng ngoài: Lấy dược liệu tươi, lượng thích hợp, giã nát đắp tại chỗ.

Kiêng kỵ

Không dùng cho phụ nữ có thai.

BẠCH TẬT LÊ (Quả)

Tribuli terrestris Fructus

Thích tật lê, Gai chống, Gai sấu

Quả chín được làm khô của cây Bạch tật lê (*Tribulus terrestris* L.), họ Tật lê (Zygophyllaceae). Thu hoạch vào mùa thu, khi quả chín, cắt cả cây, phơi khô, đập cho rụng quả, loại bỏ tạp chất, lấy quả, phơi hoặc sấy khô.

Mô tả

Quả hình cầu gồm 5 mảnh nhỏ (quả con), đường kính 7 - 12 mm, xếp tỏa tròn. Quả khô tách ra thành những quả con có hình tam giác, dài 3 - 6 mm; vỏ cứng dày có gai; mặt lưng màu lục vàng, gồ lên, có gân dọc và nhiều gai nhỏ, có 1 cặp gai dài và gai ngắn đối xứng nhau; hai mặt bên thô ráp, có vân mạng lưới, màu trắng xám. Chất cứng, mùi nhẹ. Vị đắng, cay.

Ghi chú: Loại quả khô, to, chắc, không lẫn tạp chất là loại tốt.

DUỐC ĐIỂN VIỆT NAM VI

Bột

Bột màu vàng xanh. Quan sát trên kính hiển vi thấy: Sợi vỏ quả trong hóa gỗ, lớp trên và lớp dưới xếp đan chéo nhau, rải rác có sợi riêng lẻ; các bó sợi đôi khi liên kết với nhau bằng các nhóm tế bào cứng. Sợi vỏ quả giữa tập trung thành bó, thường đứt đoạn, thành dày, khoang tế bào hẹp với nhiều lỗ nhỏ. Tế bào cứng hình thuôn hoặc gần tròn, xếp thành từng nhóm. Mảnh biểu bì áo hạt tế bào hình nhiều cạnh hoặc gần vuông, đường kính khoảng 30 µm; thành tế bào có vân hình mạng lưới dày lên và hóa gỗ. Các tinh thể calci oxalat hình lăng trụ, đường kính 8 µm đến 20 µm.

Định tính

Phương pháp sắc ký lớp mỏng (Phụ lục 5.4).

Bản mỏng: *Silica gel G*.

Dung môi khai triển: Dung lớp dưới của hỗn hợp dung môi gồm *cloroform* - *methanol* - *nước* (13 : 7 : 2) được để yên ở dưới 10 °C.

Dung dịch thử: Lấy 3 g bột dược liệu vào bình nón, thêm 50 ml *cloroform* (TT), siêu âm 30 min, lọc. Bỏ dịch chiết *cloroform*, bã để bay hơi hết dung môi. Thêm 1 ml *nước* vào bã, trộn đều, thêm tiếp 50 ml *n-butanol* đã bão hòa *nước* (TT), lắc siêu âm 30 min, gạn lấy dịch chiết *butanol*, rửa hai lần với cùng thể tích *amoniac* (TT), bỏ nước rửa. Bay hơi phần dịch *n-butanol* đến khô, hòa tan cặn trong 1 ml *methanol* (TT) được dung dịch thử.

Dung dịch được liệu đối chiếu: Lấy 3 g bột Bạch tật lê (mẫu chuẩn), tiến hành chiết như mô tả ở phần Dung dịch thử.

Cách tiến hành: Chấm riêng biệt lên bản mỏng 5 µl mỗi dung dịch trên. Sau khi triển khai sắc ký, lấy bản mỏng ra, để khô trong không khí. Phun dung dịch *p*-*dimethylaminobenzaldehyd* (Hòa tan 1 g *p*-*dimethylaminobenzaldehyd* (TT) trong 34 ml *acid hydrocloric* (TT) và 100 ml *methanol* (TT), trộn đều). Sấy bản mỏng ở 105 °C đến khi các vết hiện rõ. Quan sát dưới ánh sáng thường. Trên sắc ký đồ của dung dịch thử phải có các vết tương đương về vị trí và cùng màu với các vết trên sắc ký đồ của dung dịch được liệu đối chiếu.

Độ ẩm

Không quá 9,0 % (Phụ lục 9.6, 1 g, 105 °C, 5 h).

Tro toàn phần

Không quá 12,0 % (Phụ lục 9.8).

Chế biến

Bạch tật lê sao: Lấy quả đã phơi khô, sao cháy gai rồi giã, sàng bỏ hết gai mới đem dùng hoặc cho quả đã phơi khô vào nước sạch để loại bỏ tạp chất và hạt lép, để ráo nước, sao vàng, nghiền bỏ hết gai. Khi dùng giã giập cho vào thuốc sắc hoặc tán bột.

Mô tả: Chủ yếu là các quả con, có hình tam giác, dài 3 - 6 mm; vỏ cứng dày, màu vàng ngà; mặt lưng gồ lên, có gân dọc; hai mặt bên thô ráp, có vân mạng lưới. Chất cứng, mùi nhẹ. Vị đắng, cay.